

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 02 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh T Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Khải Đông, xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa;

Vắng mặt (Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Dương Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh T Hóa;

Vắng mặt (Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2020, bản tự khai ngày 14/12/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa vào ngày 15/7/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mất lòng tin với nhau nên tình cảm nhạt phai dần, cuối năm 2007 vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan Anh, sinh ngày 25/5/2007; Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H;

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2020 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa vào ngày 15/7/2006; Sau khi kết hôn vợ chồng ở bên ngoài sống được 03 năm, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống chung cùng gia đình vợ, nên hai vợ chồng không làm chủ được cuộc sống. Từ năm 2009 anh T về nhà nội ở huyện Thiệu Hóa sinh sống, hai bên sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 25/5/2007; Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Anh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì lâu nay cháu ở với mẹ, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, anh sẽ có trách nhiệm riêng với cháu Anh.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng chị H và anh T đề nghị không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do công việc bận chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật Hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên đã ly thân thời gian dài, hơn 10 năm không quan tâm gì đến nhau. Nay chị H và anh T đều mong muốn ly hôn, không yêu cầu Tòa án hòa giải và đều có đơn xin xét xử vắng mặt do công việc bận, điều đó chứng tỏ các đương sự không thiết tha, níu kéo, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 25/5/2007, chị H đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Thị Lan A, có ghi họ tên mẹ là chị Đỗ Thị H, họ tên

bố là Nguyễn Văn T; Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu A là con chung của chị H và anh T. Xét nguyện vọng của cháu A mong muốn được ở với mẹ, ý kiến của chị H và anh T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của các bên là phù hợp. Nên giao cháu Nguyễn Thị Lan A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 25/5/2007 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007365 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh T Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Trịnh Thị Hạnh

Hoàng Văn Đạt